

Bài báo nghiên cứu

THỦ PHÁP LIÊN VĂN BẢN TRONG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ *VŨ TỊCH* CỦA TRƯỜNG AN

Dương Thị Hạnh

Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Dương Thị Hạnh – Email: Hanhspv31@gmail.com

Ngày nhận bài: 01-9-2023; ngày nhận bài sửa: 05-10-2023; ngày duyệt đăng: 18-10-2023

TÓM TẮT

Vũ tịch của Trường An là tiểu thuyết lịch sử phục dựng giai đoạn lụi tàn của triều đại Tây Sơn và khởi đầu cho vương triều nhà Nguyễn. Đan lồng vào sự kiện đó là số mệnh của những con người được sinh ra bởi dòng giống đế vương, phải mang trách nhiệm với thời cuộc và gánh chịu cực hình tàn khốc cho tội lỗi của tiền nhân. Bằng nghệ thuật tự sự “bậc thầy”, tác giả đã đi sâu vào tư tưởng nhân vật, thổi hồn mới vào văn bản cũ, tạo nên một ngữ nghĩa mới phù hợp với bối cảnh của nhân vật. Vận dụng lí thuyết tự sự học về liên văn bản, chúng tôi tập trung khảo sát một số dạng liên văn bản như liên văn bản trung thành, liên văn bản sáng tạo, liên văn bản giễu nhại để làm sáng tỏ tính đa thanh, đa diện của ngôn ngữ trong Vũ tịch. Bên cạnh đó, tác giả còn đề cập các văn bản, tín hiệu xưa cũ nay đã bị xô lệch, không còn giữ nguyên ý nghĩa ban đầu, thậm chí phê phán trên trải nghiệm hôm nay của nhân vật, từ đó thể hiện những góc nhìn, quan điểm mới, làm nổi bật mạch nguồn phối kết, tương tác lẫn nhau của tác phẩm, tìm ra hệ giá trị, ý nghĩa mới trong văn bản.

Từ khóa: tiểu thuyết lịch sử; liên văn bản; đa thanh; tự sự học; thủ pháp

1. Giới thiệu

Liên văn bản là một trong những thuật ngữ trung tâm của các lí thuyết văn học xuất hiện nửa cuối thế kỉ XX. Thuật ngữ này do Julia Kristeva đề xuất vào năm 1967 trong công trình *Bakhtin, từ, đối thoại và tiểu thuyết* để chỉ những mối quan hệ khác nhau có thể có của một văn bản này với những văn bản khác. Theo đó, J. Kristeva cho rằng liên văn bản chính là chỗ cắt giao của nhiều mặt phẳng văn bản khác nhau. Chính sự giao nhau đã tạo nên nguồn mạch đối thoại của các kiểu viết khác nhau. Trong *Dẫn luận lí thuyết liên văn bản*, Nguyễn Văn Thuận (2013) đã cho thấy J. Kristeva quan tâm đến tính liên văn bản giữa các văn bản:

Mỗi văn bản là một liên văn bản, ở đó các văn bản khác cùng hiện hữu để góp phần chi phối và làm thay đổi diện mạo của văn bản ấy; mỗi văn bản là một sự hấp thu và chuyển thể của văn bản khác, là một “bức khảm các trích dẫn” – ở đó, có vô số những mảnh vụn của các mã ngôn ngữ, các quy ước văn học, các khuôn mẫu nhịp điệu, các hình thức diễn ngôn vốn từng phổ biến trong xã hội. (Nguyễn, 2013, p.70).

Cite this article as: Dương Thị Hạnh (2023). Intertextuality in Truong An's the history novel *Vu tich*. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(10), 1814-1824.

Từ cách hiểu trên, chúng ta có thể thấy, bất kể văn bản nào tồn tại cũng có mối quan hệ và chịu sự ảnh hưởng với một hay nhiều văn bản khác. Những quan hệ có tính chất liên văn bản này bao gồm sự nghịch đảo, sự ám chỉ, sự phỏng thuật, sự dịch thuật, sự biếm phóng, sự cắt dán, sự mô phỏng và những kiểu biến đổi khác. Theo đó, mỗi văn bản là một liên văn bản, là một sự hấp thụ và chuyển thể của văn bản khác với vô số những trích dẫn, biểu tượng, kí hiệu, biểu đồ, đồ thị, giễu nhại, so sánh... vô số mảnh vụn của các quy ước văn học, các khuôn mẫu thể loại, các hình thức diễn ngôn... từng phổ biến trong xã hội, hoàn toàn không quan hệ gì đến câu chuyện. Thủ pháp liên văn bản trong tác phẩm đã tạo nên vô số các trường liên tưởng, chúng được gắn kết chặt chẽ với nhau, từ đó, sản sinh ra nhiều ý nghĩa trong văn bản mới. Liên văn bản có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, chữ in đậm, in nghiêng, chữ trong ngoặc kép, chữ viết tay, dấu kí âm, dấu nhấn giọng, dấu hoa thị... Tính liên văn bản thể hiện trên nhiều phương diện, nhưng trong tác phẩm *Vũ tịch*, chúng tôi chỉ tập trung khảo sát một số yếu tố của tính liên văn bản dưới dạng: Liên văn bản trung thành, liên văn bản sáng tạo và liên văn bản giễu nhại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Liên văn bản trung thành

Liên văn bản trung thành là dạng liên văn bản trích dẫn, tái hiện nội dung, sự kiện, nhân vật ở các văn bản cũ vào tác phẩm. Các văn bản này có thể không cùng thể loại, nội dung nhưng lại được xếp cạnh nhau nhằm đạt được mục đích mà tác giả, người kể chuyện, nhân vật hướng tới. Trong *Vũ tịch*, Trường An đã sử dụng, chuyển thể các loại văn bản trong lịch sử và văn chương nghệ thuật. Theo đó, trong phần *Phụ chú* cuối tác phẩm, Trường An đã trích dẫn nhiều thông tin có thật được ghi chép lại. Ví như, thông tin đưa hài cốt của mẹ con công chúa Ngọc Hân từ Phú Xuân về Phù Ninh được ghi trong *Gia phả* họ Nguyễn Đình làng Phù Ninh và *Đại Nam thực lục* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn: “Khoảng năm đầu Gia Long, nguy đô đốc tên là Hải ngầm đem hài cốt mẹ con Ngọc Hân từ Phú Xuân về tang trộm ở địa phận xã Phù Ninh. Thị Huyền ngầm xây mộ, dựng đền, khắc bia đá, đổi lại họ tên để làm mất dấu tích.” (Truong An, 2018, p.372). Hay thông tin về cái chết của Quang Thùy được ghi trong gia phả của họ Trương Đăng Đò: “Quang Thùy chết sau khi Quang Toàn bị bắt, cùng với vợ chồng Đô đốc Trương (...) họ chết ở Sơn Tây, vào ngày 21/6. Quang Toàn bị bắt vào ngày 16 tháng 6.” (Truong An, 2018, p.373)... Ngoài ra, một số dữ liệu lịch sử còn được tác giả lấy từ thư của Langlois gửi Chaumont vào năm 1793 và thông tin trong cuốn *Thi văn bình phú* của Ngô Tất Tố, hay lấy trong *Đại Nam liệt truyện*... Đây chính là sự mô phỏng lại các hiện tượng, sự kiện và nhân vật lịch sử. Sự mô phỏng này đi theo tinh thần tự giác, chủ động, và công khai theo đặc trưng của thể loại tiểu thuyết lịch sử. Việc sử dụng nhiều dữ liệu lịch sử, ghi chép cụ thể trong phần *Phụ chú* sẽ giúp tác phẩm gia tăng tính chân thực, dẫn dụ lòng tin của độc giả khi đọc tác phẩm. Những dữ liệu, thông tin lịch sử có xác thực này xuất hiện bên cạnh nhân vật sẽ tạo nên không khí thời đại, kéo người

đọc quay ngược thời gian trở về với quá khứ, tạo cảm giác chân thực như chính mình là người đã chứng kiến tất cả.

Đọc *Vũ tịch*, chúng ta còn bắt gặp rất nhiều văn bản khác trong văn chương. Tác giả đã lồng ghép, xếp chồng, đan cài nhiều văn bản khác trong quá khứ vào tác phẩm. Đó có thể là bài thơ, đoạn trích, hoặc câu nói lấy trong sách thánh hiền hoặc nhà thơ xưa. Các văn bản đó kết nối với nhau tạo nên mạch liên tưởng rộng lớn. Dưới đây là kết quả khảo sát của tác giả:

STT	Văn bản khác	Chú giải	Trang
1	“Tới đâu ngọc thạch câu phân Than rằng Thăng, Điện áy dân tội gì?”	- “Ngọc thạch câu phân”: ngọc và đá đều nát. Kinh Thư viết: “Hỏa viêm Côn Cương, ngọc thạch câu phân”, ý nói lửa thiêu núi Côn Cương, ngọc và đá đều cháy cả. Núi Côn Cương là nói có nhiều ngọc. - Câu thơ trong bài <i>Hoài Nam khúc</i> do Hoài Quang ẩn sĩ sáng tác vào những năm 70 của thế kỉ XVIII.	39, 44
2	“Nguyệt in phách quế, mái trường thu vừa rạng vẻ lâu lâu, Sương ủ hồn hoa, niềm thương uyển chợt roi mùi thoang thoang, Nẻo chân du quanh cỏi biết tìm đâu, Niềm vĩnh mộ băng khuâng hăng chạnh tưởng.”	Bài văn tế <i>Võ hoàng hậu</i> của Phan Huy Ích trích trong <i>Dự Am thi tập</i> .	59, 60
3	“Tình trong giấc mộng, muôn vàn cũng không.”	Câu thơ trích trong <i>Chinh phụ ngâm</i> của Đặng Trần Côn	60
4	“Nghĩa tôn phù vàng vặc bóng dương” “Khấp tôn thân cùng đội ơn sang.”	Câu thơ trích trong <i>Ai tư văn</i> của Bắc Cung hoàng hậu Ngọc Hân viết cho Quang Trung hoàng đế.	90
5	“Mài son bén phấn hây hây Đêm nguyệt đưa xuân, một nguyệt hay Mấy kẻ hồng nhan thì bạc phận Hồng nhan kia chớ cậy mình thay.”	Bài thơ <i>Hoa nhài</i> trích trong <i>Ức Trai thi tập</i> của Nguyễn Trãi.	93
6	“Tướng phủ phồn hoa cục dĩ di, Thôn cương cổ sát thượng y y. Hàn tuyền cảnh thế đăm quyền lợi, Khô thụ trào nhân tác phúc uy. Kí vãng thị phi, vân biến hóa, Như Lai sắc tướng, nguyệt minh huy.”	Bài thơ <i>Tái kinh Thiển Lâm tự</i> của Ngô Thì Nhậm.	101 102

7	“Thuyền về Đại Lược Duyên ngược Kim Long Đến đây là chỗ rẽ của lòng Gặp nhau còn biết trên sông bến nào?”	Bài ca dao <i>Thuyền về Đại Lược</i> của người dân xứ Huế.	112
8	“Thiên Không hội với Đào Hoa Cầm kì thi họa tài ba tuyệt vời Cơ mưu quyền biến hơn người Ngàn năm bạc mệnh một đời tài hoa.”	Bài thơ khuyết danh vịnh về lá số tử vi.	124
9	“Hoa khai bất đồng thường, Hoa lạc bất đồng bi. Dục vấn tương tư xứ, Hoa khai hoa lạc thì.”	Bài thơ <i>Vọng xuân từ</i> của Tiết Đào	158
10	“Bèo dạt, Mây trôi ... Em vẫn mong chờ... Sao chẳng thấy anh?”	Bài dân ca quan họ <i>Bèo dạt, mây trôi ở Bắc Ninh.</i>	178 179
11	“Đổi tửu dương ca. Nhân sinh kỉ hà. Thí như triệu lộ. Khứ nhật khổ đa. Khái đương đĩ khảng. Ưu tư nan vong. Hà dĩ giải ưu.”	Bài <i>Đoán ca hành</i> của Tào Tháo.	208
11	“Sơn giá cô”	Tựa một bài thơ của Bạch Cư Dị.	251
13	“Cụ hoài dật hứng tráng tứ phi, Dục thưởng thanh thiên lẫm minh nguyệt. Trừu đao đoạn thủy thủy cánh lưu, Cử bôi tiêu sàu sàu cánh sàu. Nhân sinh tại thế bất xứng ý, Minh triều tán phát lộng biên chu.”	Bài thơ <i>Tuyên Châu Tạ Diểu lâu tiễn biệt Hiệu thư Thúc Vân</i> của Lý Bạch.	263
14	“Có đức, công mới lớn Có người, đất mới linh Giữ nước không cốt ở hiểm yếu Giữ dân không cốt ở hùng binh.” “Từ đây khắp cõi đều yên lành Kéo nước Ngân Hà rửa giáp binh Sông đây, đất ấy, Muôn thuở thanh bình.”	Trích câu trong bài <i>Xương Giang phú</i> của Lý Tử Tấn.	273, 274
15	“Tâm hảo mộng, Mộng nan thành Hữu thù tri, Ngã thử thời tình.”	Bài thơ <i>Giá cô thiên</i> của Nhiếp Thắng Quỳnh.	282
16	“Vũ trụ đôn thanh trần hải nhạc, Phong ba bất động thiết tâm can.”	Trích trong bài thơ <i>Vân Đôn</i> của Nguyễn Trãi.	316

17	“Gái đầu có gái lạ đời, Con vua lại lấy hai đời chồng vua.”	Câu ca dao trong dân gian nói về công chúa Lê Ngọc Bình.	317
18	“Tâm như quy hải triều, mộ phong lưu bất trụ.”	Câu thơ trích trong <i>Cổ thi</i> .	233
19	“Giết chồng rồi lại lấy chồng, Mặt nào còn sống ở trong cõi đời?”	Câu thơ trích trong <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du.	336
20	“Năm Nhâm Tuất mây trùm ảm đạm Giải sông Thương đã cạn lệ sầu ... Trông vòি quan ải xa xôi Đêm đêm mơ thấy bóng người ra đi.”	Đoạn thơ ghi trong gia phả của họ Nguyễn Gia ở Thuận Thành, Bắc Ninh.	360
21	“Ninh bất tri khuynh thành dữ khuynh quốc.”	Câu thơ trích trong <i>Giai nhân ca</i> của Lý Diên Niên.	360
22	“Tuy mày vẽ nhạt nhưng lòng vẫn xiêu”	Câu thơ trích trong <i>Cung oán ngâm khúc</i> của Nguyễn Gia Thiều.	361
23	“Gái Kinh Bắc thanh sắc Tiêu Tương”	Một vế trong câu đối “Trai Tiên Điền tinh anh Hồng Lĩnh/ Gái Kinh Bắc thanh sắc Tiêu Tương” của người dân Kinh Bắc.	362
24	“Nghĩ thân phù thế mà đau Bọt trong bể khô, bèo đầu bến mê.”	Câu thơ trích trong <i>Cung oán ngâm khúc</i> của Nguyễn Gia Thiều.	365
25	“Chí làm trai dặm nghìn da ngựa Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.”	Câu thơ trích trong <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> của Đặng Trần Côn.	368
26	“Kìa thế cục như in giấc mộng, Mấy huyền vi mở đóng khôn lường” ... Trăm năm còn có gì đâu, Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì.”	Câu thơ trích trong <i>Cung oán ngâm khúc</i> của Nguyễn Gia Thiều.	370, 371

Chỉ một cuốn sách dày 374 trang nhưng nhà văn Trường An đã trích dẫn đến 26 văn bản nghệ thuật (bao gồm thơ, phú, ngâm khúc, hành, ca dao...), chưa kể liên văn bản với các điển tích, điển cố sự việc, nhân vật trong tác phẩm. Theo đó, những văn bản được trích dẫn trong *Vũ tịch*, vừa tạo không khí cổ xưa, thể hiện nội tâm, cảm xúc của nhân vật vừa tạo liên tưởng, âm hưởng ngọt ngào cho tác phẩm. Thông qua thủ thuật trích dẫn, Trường An đã lồng ghép các văn bản khác vào *Vũ tịch* để tạo nên văn bản mới mang ý nghĩa chung hoặc riêng so với văn bản cũ. Ví như, trong câu thơ “Nghĩ thân phù thế mà đau/ Bọt trong bể khô, bèo đầu bến mê” được trích trong *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều. Câu thơ là nỗi đau đến xé lòng về cuộc đời của nàng cung nữ nhưng trong *Vũ tịch*, lại là tâm sự của Quang Thùy bật lên trong cơn say khi chàng bắt lực trước thời cuộc, bế tắc, mệt mỏi trước tranh đấu, oán thù. Chàng là một hoàng tử tài giỏi nhưng vì món nợ của tiền nhân, chàng hi

sinh tình yêu, hạnh phúc của mình để bảo vệ triều đại mà vua cha gây dựng nhưng đổi lại là trái tim bị tổn thương, là nỗi đau giằng xé. Cuối cùng, chàng lao vào những vách đá dựng đứng, trong cuộc vây bắt của Nguyễn Phúc Ánh. Từ phân tích trên, chúng ta thấy, sự đan bện ý thơ đã tạo nên chiều sâu cho tư tưởng của nhân vật, đồng thời như lời đối thoại ngầm trong tác phẩm gợi dẫn của các bậc tiền nhân với con người trong thời đại mới: phê phán chiến tranh, hận thù, phê phán những toan tính đã bóp nghẹt hạnh phúc của con người.

Bên cạnh đó, khi lật mở trang đầu tiên của *Vũ tịch*, chúng ta còn thấy một đoạn trích được tác giả chép ra từ *Đạo đức kinh, thất thập cửu chương*: “Hòa đại oán tất hữu dư oán, an khả dĩ vi thiện? Thị dĩ thánh nhân chấp tả khế nhi bất trách ư nhân. Hữu đức tư khế, vô đức tư triết. Thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân.”. Đoạn trích này vừa như lời tựa, vừa như thông điệp bao quát toàn bộ tác phẩm. *Vũ tịch* không chỉ xoay quanh cuộc đời của nàng công chúa cuối cùng của triều Lê – Lê Ngọc Bình mà tác phẩm còn xoay quanh số mệnh của những con người sinh ra trong dòng giống đế vương, họ phải mang trách nhiệm với thời cuộc và gánh chịu cực hình tàn khốc cho oán hận, tội lỗi của tiền nhân. Vì thế, lời tựa như khuyên bản thân mỗi con người nên từ bỏ thù hận, tích đức dưỡng tính, hướng theo điều thiện để sống hạnh phúc, vui vẻ hơn.

2.2. *Liên văn bản sáng tạo*

Liên văn bản sáng tạo là dạng liên văn bản mà ở đó tác giả hư cấu thêm tình tiết, xây dựng thêm những đối thoại, thổi hồn mới vào các văn bản cũ để tạo nên một ngữ nghĩa mới phù hợp với bối cảnh của nhân vật và người kể chuyện. Trong *Vũ tịch*, khi đề cập một số sự kiện lịch sử trong quá khứ, nhà văn đã sử dụng thủ pháp liên văn bản sáng tạo để làm nổi bật sự kiện, nội dung mà tác phẩm nhắc tới. Ví như, trong phần *Công chúa tiên triều*, khi nhắc tới đợt thiên tai mới ở làng Thụy Khê, tác giả đã khéo léo liên văn bản đến một số thư từ của giáo sĩ viết lại: “Thư của giáo sĩ Lefron năm 1789, sau khi Tây Sơn đánh Thanh: “Trong khi đó dân chúng đang thương đang chết đói. Mùa này tháng 10 (âm lịch) năm 1788 đã bị mất vì đại hạn vào mùa hè năm trước (...);” Thư của giáo sĩ Eyot năm 1789: “Dân Bắc Hà bất hạnh của chúng ta còn phải chịu sự tham lam vô bờ bến của quân địch và của người dân Bắc Hà trốn phe địch, nếu không có một trận lụt làm mất mùa tháng 10 khiến dân chúng lâm vào một cảnh vô cùng (...);” Thư của Sérard năm 1790: (Dịch hạch, chiến tranh, đói kém)... có những làng mạc xưa nay đông dân cư bây giờ không còn ai, có cả hàng huyện như vậy: Thạch Liêm, Bình Lục, Thiên Bản bị tàn phá và Gia Viễn ở xứ Thanh gần như không còn ai.” (Truong An, 2018, p.15). Việc nhắc tới ba bức thư của các giáo sĩ nhằm mục đích làm nổi bật các đợt thiên tai liên tiếp diễn ra ở Bắc Hà đã làm cho người dân đói khổ lắm than, khắp nơi tan tác tiêu điều. Các văn bản được trích dẫn còn giúp cho sự kiện nhắc tới thêm chân thật, tạo thuyết phục cho người đọc. Đồng thời, cho thấy sự đói khổ, lắm than của nhân dân và kiệt quệ của đất nước.

Hay như khi tác phẩm đề cập đến hoàn cảnh của Phan Huy Ích, khi ông vừa là tôi thân của nhà Lê, khi nhà Lê sụp đổ, ông lại theo Tây Sơn làm quan:

Ông phản bội nhà Lê, làm quan cho Tây Sơn, cuối cùng vì cái gì? Có thay đổi được gì không? Hay chính ông nữa, ông cũng chỉ là con cờ trong cuộc chơi quyền lực của nhà chúa? À, ông nhớ không, Nguyễn Hữu Chỉnh từng chế giễu ông “chỉ là nhà Nho nói khoác”? Các ông tự khoác cho mình một sứ mạng quá cao, cái gì là “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”? Cái “thiên hạ” ấy chưa bao giờ thuộc về các ông thì các ông có thể làm được gì? (Truong An, 2018, p.33).

Ở đoạn văn trên, tác giả đề cập giai thoại Nguyễn Hữu Chỉnh từng chế giễu Phan Huy Ích “chỉ là nhà Nho nói khoác”. Đó là lúc Phan Huy Ích được lệnh của Trịnh Bồng chinh phạt Nguyễn Hữu Chỉnh khi ấy chiêu binh ở Nghệ An, làm một cái chuông để bắt nốt Chỉnh, nhưng quân Trịnh thất bại. Lúc ấy, Nguyễn Hữu Chỉnh đã chế giễu Phan Huy Ích “chỉ là nhà Nho nói khoác”. Việc tác giả đề cập giai thoại “chỉ là nhà Nho nói khoác” và tư tưởng “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” của Nho gia nhằm mục đích làm sáng tỏ chi tiết về sự bất lực của Phan Huy Ích trước thực tại. Ông cố gắng sống thức thời, góp chút công sức để làm cho dân bớt khổ nhưng kết quả lại không như ý nguyện.

Ở phần *Triều đình biến động*, tác giả nhắc tới *Hoài Nam khúc* (Truong An, 2018, p.45) của Hoàng Quang ần sĩ. Đây là ca khúc được sáng tác vào những năm 70 của thế kỉ XVIII, khi quân Trịnh chiếm Phú Xuân. Khúc ca này nhắc lại ân đức, công tích của các chúa Nguyễn tại vùng đất phương Nam và nạn đói lịch sử năm 1775-1777, đồng thời khát khao chúa Nguyễn một ngày nào đó sẽ phục hồi trở lại. Trong *Vũ tịch*, khi Nguyễn vương có ý định tấn công Phú Xuân, ông ấy đã cho tuyên truyền ca khúc này để làm lòng dân rung động. Chính điều này một phần đã làm người dân ở một số vùng Bắc Hà nổi loạn. Sử dụng chi tiết này, tác giả đã cho thấy quân Nguyễn vương ngày càng lớn mạnh, vừa giỏi dùng binh vừa giỏi dùng trí. Nguyễn vương biết câu dụ và kích động lòng dân. Đây chính là điều mà nhà Tây Sơn cũng như Quang Toản không thể thực hiện được. Ngoài ra, tác giả còn trích dẫn một số bức thư đưa vào tác phẩm để phục vụ cho mục đích hư cấu chi tiết. Chúng ta có thể kể tới thư của Quang Thùy gửi cho Ngô Thị Nhậm: “Nhờ ngài xem lại lịch trình của Thị lang Lễ bộ Phan Huy Ích vào chuyến công cán Bắc Hà sáu năm về trước. Nếu có thể, tôi muốn có danh sách những người Phan Thị Lang đã gặp và những nơi ông ấy đã đi.” (Truong An, 2018, p.101). Hay như bức thư Võ Tánh viết cho Nguyễn vương: “Đại binh của Tây Sơn đang dòn hết về đây vây thành Bình Định thì Phú Xuân coi như bỏ ngõ. Hãy nhân đây đem quân ra đánh lấy Phú Xuân. Lấy thành Phú Xuân đổi một mạng của thần thật mãn nguyện lắm rồi.” (Truong An, 2018, p.182). Những bức thư này có thể có thật trong lịch sử hoặc hư cấu sáng tạo nhưng đều được tác giả trích dẫn nhằm phục vụ cho việc phát triển tình tiết của câu chuyện.

Trong một tiểu thuyết lịch sử, tác giả thường đề cập đến các chi tiết sự kiện có thật trong lịch sử. Các sự kiện đó có thể được viết trong chính sử hoặc dã sử. Trong *Vũ tịch*, nhà văn đã đề cập đến một số chi tiết được lấy trong *Đại Nam liệt truyện*. Chúng ta có thể kể tới chi tiết “Quang Trung Hoàng đế, còn đang chinh chiến ở phương Bắc, hoàng thúc Thái Đức đế đã cưỡng bức mẹ chàng tại Quy Nhơn.” (Truong An, 2018, p.72). Chi tiết này được tác

giả lấy trong *Đại Nam liệt truyện* ghi: “Nhạc đặc chí, ngày càng buông thả dâm loạn, giết Nguyễn Thung, người cộng sự lúc đầu, lại hiếp vợ Huệ, người người đều ghê tởm.”. Chi tiết này làm sáng tỏ sự tức giận của Bắc Bình vương – Nguyễn Huệ và khởi đầu cho cuộc chiến khiến hàng vạn người chết ở Quy Nhơn. Hay như chi tiết: “Họ Nguyễn lừng danh của chúa Nguyễn Hoàng khai phá miền đất này chỉ còn lại một mình ông. Tất cả đã không còn cả đến mảnh xương khi lăng mộ của họ bị quật lên, ném vào vực thẳm sông sâu. Bọn ngự Tây đã rắp tâm xóa sạch dấu vết của họ Nguyễn Phúc trên mảnh đất này.” (Truong An, 2018, p.194). Chi tiết này trong *Đại Nam liệt truyện* viết: “Sau Huệ đánh trận hay thua, người ta đều nói các lăng liệt thánh khí tốt nghi ngút, nghiệp để tắt dấy. Huệ bức tức, sai đồ đảng đào các lăng, mở lấy hài cốt quăng xuống vực...”. Chi tiết này được tác giả sử dụng để khắc sâu thêm mối thù của Nguyễn vương với nhà Tây Sơn. Bởi vậy, sau khi lật đổ Tây Sơn, Nguyễn vương cũng cho quật lại lăng mộ của Nguyễn Huệ để trả thù. Hận thù ăn sâu vào Nguyễn vương, tạo nên những mối oán thù truyền kiếp, gieo rắc bao khổ đau, oan trái cho cuộc đời. Từ phân tích trên, chúng ta có thể thấy, những văn bản cũ đã được viết lại, hiểu lại nhưng không phải là sao chép rập khuôn mà tái sáng tạo, tái kiến thiết, giải cấu trúc văn bản nguồn để tạo nên một trật tự mới, một cách hiểu mới.

2.3. Liên văn bản giễu nhại

Bên cạnh liên văn bản trung thành và liên văn bản sáng tạo, Truong An còn sử dụng một cách độc đáo thủ pháp liên văn bản giễu nhại. Liên văn bản giễu nhại là dạng liên văn bản mà ở đó tác phẩm đề cập đến các văn bản, tín hiệu xưa cũ nhưng nay xô lệch, không còn giữ nguyên ý nghĩa ban đầu, thậm chí phê phán, trên trải nghiệm hôm nay của nhân vật, để từ đó thể hiện những góc nhìn, quan điểm mới. Trong *Vũ tịch*, chúng ta sẽ thấy rõ điều này qua các đoạn đối thoại hoặc độc thoại nội tâm của nhân vật. Ví như, trong phần *Mưa trút hoàng thành*, cuộc đối thoại giữa Ngọc Bình và Quang Thùy, tác giả để cho Ngọc Bình nhắc tới các cuộc hôn phối của các bậc vua chúa ngày xưa để phục vụ cho mục đích chính trị: “Huyền Trân công chúa lấy Chế Mân, Ngọc Vạn công nữ lấy vua Chân Lạp cũng là để vùng đất các ngài đang đóng đô đổi chủ. – Nàng chế nhạo. – Ngày trước phụ hoàng ngài cầu hôn công chúa nhà Thanh hẳn là học tập từ tiền nhân. Xưa nay chỉ nghe các nàng công chúa chân yếu tay mềm lấy thân mình đổi đất, sự hi sinh của phụ hoàng ngài kể cũng là lớn lao.” (Truong An, 2018, p.75). Ở đoạn văn trên, tác giả để nhân vật nhắc tới các câu chuyện: vua Trần gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân để đổi lấy hai vùng châu Ô và châu Lý; hay Ngọc Vạn công nữ lấy vua Chân Lạp để chúa Nguyễn mở rộng lãnh thổ về phía Nam. Ngoài ra, sự kiện trước khi mất, vua Quang Trung đã gửi thư cho vua Thanh xin được gả một cô công chúa nhà Thanh và hai vùng đất Quảng Tây, Quảng Đông làm sính lễ cũng được nhắc tới. Lời thoại của Ngọc Bình nhắc tới sự kiện xưa không phải để ca ngợi công đức, tình giao hảo hay kể sách mở mang bờ cõi của vua chúa ngày xưa mà để nói đến sự hi sinh, số phận của những nàng công chúa. Họ sinh ra trong dòng giống đế vương nhưng chỉ là con cò chính trị, cuộc hôn nhân của họ không khác gì cuộc trao đổi, mua bán, các nàng công chúa chân yếu tay mềm lại phải lấy thân mình để đổi đất, mở mang bờ cõi. Nếu như trong thời xưa, đây

được xem là kế sách hay, có được đất đai của nước khác mà không phải tổn hao binh lực thì ngày nay tín điều này đã không còn phù hợp. Bởi vậy, giọng điệu của Ngọc Bình trong lời nói cũng chỉ là những lời chế nhạo đầy cay đắng với bậc vua chúa xưa.

Trong phần *Công chúa tiền triều*, trên đường từ Thăng Long đến Kinh Bắc, công chúa Ngọc Bình hỏi Phan Huy Ích về nguyên nhân cái chết của những thầy người la liệt trên đường, về nỗi khốn khổ cùng cực của nhân dân nhưng ông lại bất lực. Ông không thể làm được gì ngoài việc làm con tốt cho các thế lực đang tranh giành mâu thuẫn. Trong cuộc trò chuyện, ông đã thể hiện sự suy tư của mình về thời cuộc, chiến tranh và vận mệnh dân tộc:

Thần đã nghĩ rằng, nếu có thể đem đạo lí rèn giữa chốn cung đình, mài sắc pháp luật trong một nước, lấy Lễ trị quốc, lấy Nhân bảo ban vua, thế là nội trị bình yên (...) Một đất nước bị tàn phá, lễ nghĩa cương thường bị phá hỏng, đó là lúc con người bộc lộ đầy đủ dã tâm. Nam không giữ Tam cương Ngũ thường, nữ không trọng Tam tông Tứ đức, ai nấy cũng chỉ bo bo lo cho quyền lợi của mình, chà đạp nhau mà sống, mà giành giật quyền lực. (Truong An, 2018, p.35).

Ở đây, tác giả nhắc tới “Lễ, Nhân”, đạo “Tam cương Ngũ thường”, “Tam tông Tứ đức”, đây chính là quan niệm của Nho giáo, quy chuẩn của lễ giáo phong kiến xưa muốn trị quốc, an dân. Ông cha ta thời phong kiến bao đời vẫn sử dụng sách thánh hiền của Nho giáo để giữ vững, phát triển đất nước nhưng trong thực tế, Phan Huy Ích đành phải ngậm ngùi thừa nhận “mọi việc đâu chỉ đơn giản như vậy” (Truong An, 2018, p.35). Thực tế đã cho thấy sự mâu thuẫn của những tín điều, tư tưởng cũ với đời sống xã hội. Nếu trong xã hội xưa, Nho giáo phát triển trong thời kì thái bình thịnh trị, các văn nhân võ sĩ đều ý thức đem đạo lí rèn giữa con người, lấy pháp luật trong nước để điều dân phạt tội thì trong thực tế, mọi luân thường đạo lí đều bị xem nhẹ, tư tưởng “lấy Lễ trị quốc, lấy Nhân bảo ban vua” (Truong An, 2018, p.35) không còn giá trị. Các nhân vật trong *Vũ tịch* luôn ở trong trạng thái “Nam không giữ Tam cương Ngũ thường, nữ không trọng Tam tông Tứ đức” (Truong An, 2018, p.35). Trong tác phẩm, vua Cảnh Thịnh bị xem như một con rối, chỉ là một vị vua bù nhìn. Các thế lực trong triều cấu xé nhau, không xem trọng lời nói của nhà vua. Họ chỉ lợi dụng vua để củng cố thế lực, phục vụ cho mục đích riêng. Công chúa Ngọc Bình – hoàng hậu Tây Sơn lại chịu cảnh làm thê thiếp của vua Nguyễn Phúc Ánh. Rồi tư tưởng bề tôi trung thành không thờ hai chủ như khi thời thế đổi thay, nhiễu loạn, chính Phan Huy Ích – một bề tôi trung thành của nhà Lê vẫn phải cúi mình, phục vụ cho triều Tây Sơn...

Truong An khắc họa tình thế và ý nghĩ của Nguyễn vương, khi chiếm được Phú Xuân, lên ngôi hoàng đế. Dù nhà Lê đã không còn nhưng sức ảnh hưởng của một triều đại phồn thịnh hàng trăm năm vẫn còn quá lớn. Cũng như triều Tây Sơn, nhà Nguyễn muốn thu phục lòng dân, tiến quân ra Bắc Hà vẫn phải dựa vào sự đồng tình của nhà Lê: “Dù có lấy được Bắc Hà, ông vẫn phải đối đầu với áp lực dựng lại nhà Lê. Làm một chúa Trịnh “thờ Phật để ăn oản” ư? Đó không phải là ý muốn của ông.” (Truong An, 2018, p.217). Ở đoạn văn trên có nhắc tới câu chuyện “thờ Phật ăn oản” của chúa Trịnh. Đây là giai thoại khi chúa Trịnh muốn lật đổ nhà Lê, đã cho người hỏi ý kiến Trịnh Trình Nguyễn Bình Khiêm. Lúc này, Trịnh Trình chỉ im lặng, rồi quay lại bảo người nhà quét lễ đường, “có thờ Phật mới được

ăn oản”. Ý này của Nguyễn Bình Khiêm đã được chúa Trịnh nghe theo nên dù có thể lực lớn mạnh nhưng chúa Trịnh vẫn giữ nhà Lê, chưa dám làm phản. Xã hội Việt Nam thời kì này mới có hai hoàng cung Lê – Trịnh trong một triều đình cùng tồn tại song song. Tuy nhiên, với Nguyễn vương, ông không muốn lập lại nhà Lê, không muốn yên ổn “ăn oản” mà muốn lập nên một triều đại mới. Với ông, hồn ma nhà Lê chỉ nên tỏ lòng tôn kính nhưng không thể để nó trở về nhân gian. Chính điều này đã xây dựng nên hình ảnh Nguyễn vương không chỉ lòng chứa đầy hận thù, kiên trì chạy theo mục tiêu mà còn có nhiều dã tâm, muốn thay đổi sơn hà, bình định an dân.

Trong phần ngoại truyện *Bến Tiêu Tương*, tác giả đặt Gia Vu và Quang Thùy trong một cuộc tranh biện về hình ảnh người anh hùng trong quá khứ. Lễ giáo phong kiến ca ngợi anh hùng, trung lương không thờ hai vua: “Người ta vừa tung hô lòng trung quân ái quốc, vừa khuyên nhủ “Kẻ thức thời mới là trang tuấn kiệt”. Dương gia tướng phản bội Bắc Hán, nhưng là trung thần được ngợi ca, xung tưng của nhà Tống, Ngũ Tử Tư đem Ngô về diệt Sở nhưng ai bảo không đáng là trung lương?” (Truong An, 2018, p.364). Ở phần này, tác giả nhắc tới các điển tích, điển cố về hình ảnh của Dương gia tướng và Ngũ Tử Tư. Họ là những con người đại diện cho kẻ biết lựa thời thế để lập thân, lập danh. Điều này đặt nhân vật trong hai luồng tư tưởng của người có lòng trung thành và kẻ biết lựa thời thế. Tuy nhiên, suy cho cùng, đó cũng chỉ là những tiêu chuẩn đạo lí rất dễ bị lung lay, chịu sự quy định của thời cuộc và những người chiến thắng.

3. Kết luận

Trong *Vũ tịch*, tác giả đã sử dụng thủ pháp liên văn bản ở mọi không gian, thời gian, mọi vấn đề của đời sống, xã hội. Tùy theo từng nội dung các mục, các phần, liên văn bản có thể được tác giả vận dụng nhiều hay ít, ở các mức độ, xu hướng và phương thức khác nhau. Tuy nhiên, tác giả đã thống nhất ba dạng liên văn bản trung thành, sáng tạo và giễu nhại theo hướng trích dẫn, cắt dán, chuyển vị, tô đậm, làm mờ, đan lồng... để tăng cường hiệu ứng thẩm mỹ bằng chất liệu, cô nén nội dung tạo nên tính hàm súc hay tạo nên ngữ nghĩa mới cho văn bản. Nhà văn đã xây dựng nên *Vũ tịch* với vô số các văn bản khác tạo nên sự đan cài hòa quyện giữa một tiểu thuyết lịch sử với các thể loại khác như thơ ca, phú, hành... hay đan cài giữa ngôn ngữ hiện đại với chi chít lớp điển tích, điển cố và các sự kiện lịch sử. Ngoài ra, khi vận dụng thủ pháp liên văn bản, tác giả còn đan lồng vào tác phẩm một mạng lưới văn bản khác nhau, tạo nên tính mở, tính liên và tính biện chứng trong tác phẩm văn học. Các đối tượng miêu tả trong tác phẩm trở nên đa nghĩa, đa thanh, đa diện, đã làm nổi bật mạch nguồn phối kết, tương tác lẫn nhau của tác phẩm, tìm ra hệ giá trị, ý nghĩa mới trong văn bản. Đây chính là sự sáng tạo độc đáo về mặt ngôn ngữ cũng như nghệ thuật tự sự trong tiểu thuyết lịch sử của Trường An.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui, T. Q. N. (2017). Chuyển thể và liên văn bản [Adaptation and Intertextuality]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 14(5), 5-19. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.14.5.214\(2017\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.14.5.214(2017))
- Nguyen, T. T. X. (2020). *Nghiên cứu liên văn bản Truyện Kiều của Nguyễn Du [To do research intertextuality Truyen Kieu by Nguyen Du]*. <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/ly-luan-va-phe-binh-van-hoc/7593-nghi%C3%AAn-c%E1%BB%A9u-li%C3%AAn-v%C4%83n-b%E1%BA%A3n-truy%E1%BB%87n-ki%E1%BB%81u-c%E1%BB%A7a-nguy%E1%BB%85n-du.html>
- Nguyen, V. T. (2013). Dẫn luận lí thuyết liên văn bản [Introduction to intertextual theory]. In Le Huy Bac (Ed), *Phê bình văn học hậu hiện đại Việt Nam [Viet Nam postmodern literary criticism]*. Hanoi: Tri Thuc Publishing House.
- Nguyen, V. T. (2018). *Giáo trình Lí thuyết liên văn bản [Intertextual theory textbook]*. Thua Thien Hue: Hue University Publishing House.
- Tran, P. L. (2013). *Tổng quan về liên văn bản [Overview of intertextuality]*. <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/ly-luan-va-phe-binh-van-hoc/4182-tng-quan-v-lien-vn-bn.html>
- Truong An (2018). *Vũ tich [Vu tich]*. Woman Publishing House.

INTERTEXTUALITY IN TRUONG AN'S THE HISTORY NOVEL *VU TICH*

Đương Thị Hạnh

Sai Gon University, Vietnam

Corresponding author: Duong Thi Hanh – Email: Hanhspv31@gmail.com

Received: September 01, 2023; Revised: October 05, 2023; Accepted: October 18, 2023

ABSTRACT

Truong An's Vu tich is a historical novel that reconstructs the decline of the Tay Son Dynasty and the beginning of the Nguyen Dynasty. Interwoven into that event is the fate of those born into the royal lineage, having to bear responsibility for the times and suffer cruel punishment for the sins of their ancestors. With the "master" art of narrative, the author has gone deep into the character's thoughts, breathing new life into old texts to create new semantics suitable to the character's context. Applying Narratology in terms of intertextuality, various forms of intertextuality such as quotation, appropriation, and parody were used to clarify the polyphonies and multifaceted nature of language in Truong An's historical novel Vu tich. This paper also refers to old texts and beliefs that have been distorted, losing their original meaning, and even critical, based on the character's present-day experiences, from which to express new perspectives. Through this, the paper emphasizes the interconnection and mutual interaction of the work, uncovering new values and meanings within the text.

Keywords: historical novel; intertextuality; multifaceted nature; narratology; techniques